BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA NGÀNH DIỄN VIÊN KỊCH ĐIỆN ẢNH

HỆ ĐẠI HỌC KHÓA 7 (2021 - 2025)

TT	Học kỳ	Mã HP	KHỐI KIẾN THỨC - HỌC PHẦN	Tổng số TC	Học kỳ I				Học kỳ II				Học kỳ III				Học kỳ IV				Học kỳ V				Học kỳ VI				Học kỳ VII				Học kỳ VIII				Ghi chú
					Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		**M1**	**KHỐI KIẾN THỨC CHUNG**	**29**																																	
			Các học phần bắt buộc	***29***																																	
1	1	POL2009	Triết học Mác-Lênin	3	3	32	8	5																													
2	2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2					2	20	8	2																									
3	3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									2	20	8	2																					
4	4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2													2	20	8	2																	
5	5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2																	2	20	8	2													
6	6	INF2001	Tin học cơ bản	2																					2	5	15	10									
7	1	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	4	16	40	4																													
8	2	CFL2002	Tiếng Anh 2	3					3	22	20	3																									
9	3	CFL2010	Tiếng Anh chuyên ngành	2									2	5	20	5																					
10	1	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	2	3	25	2																													
11	2	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3					3	5	37	3																									
11		GDQP	Giáo dục quốc phòng																																		
12	3	POL2007	Pháp luật đại cương	2									2	20	8	2																					
12		PPE2007	Tâm lý học đại cương	2																																	
12		M2	**KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN CHUNG CỦA NHÓM NGÀNH**	**12**																																	
12			***Các học phần bắt buộc***	***7***																																	
13	2	CLM2006	Mỹ học	2					2	20	8	2																									
14	4	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3													3	30	12	3																	
15	5	CLM2010	Đường lối VHVN của ĐCS Việt Nam	2																	2	20	8	2													
15			*Các học phần tự chọn*	***5 /9***																																	
16	6	PPE2008	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2																					2	20	8	2									
17	2	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3					3																												
17		MUS2003	Nghệ thuật học đại cương	2																																	
17		PPE2004	Tâm lý học Nghệ thuật	2																																	
17		M3	**KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**	**28**																																	
17			***Các học phần bắt buộc***	***24***																																	
18	7	CLM2053	Hóa trang	2																									2	10	18	2					
19	4	CLM2081	Quy trình sản xuất film	2													2																				
20	5	CLM2082	Kỹ thuật điện ảnh	2																	2																
21	3	CLM2056	Phương pháp sân khấu truyền thống	2									2	10	18	2																					
22	4	CLM2083	Âm nhạc trong kịch - điện ảnh	2													2	15	12	3																	Kỳ 1 sau
23	5	CLM2089	Lịch sử văn học Việt Nam và Thế giới	2																	2	25	3	2													
24	6	CLM2085	Phân tích tác phẩm văn học (Kịch + Điện ảnh)	3																					3	30	12	3									
25	4	CLM2057	Lịch sử sân khấu Thế giới và Việt Nam	3													3	30	12	3																	
26	5	CLM2058	Lịch sử Điện ảnh Thế giới và Việt Nam	3																	3	30	12	3													
27	7	CLM2086	Phân tích tác phẩm sân khấu – điện ảnh	3																									3								
27			*Các học phần tự chọn*	***4 /8***																																	
28	6	FAE2067	Lịch sử nghệ thuật tạo hình Thế giới và Việt nam	2																					2	15	13	2									
29	6	GRD2044	Thiết kế sân khấu	2																					2												
29		FAD2049	Thiết kế phục trang	2																																	
29		MUS2059	Khiêu vũ	2																																	
29		M4	**KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**	**45**																																	
29			***Các học phần bắt buộc***	***42***																																	
30	1	CLM2059	Hình thể 1 (Kỹ thuật cơ bản)	3	3	6	36	3																													
31	2	CLM2060	Hình thể 2 (Kỹ thuật thể hiện)	3					3	6	36	3																									
32	3	CLM2061	Hình thể 3 (Múa)	3									3	6	36	3																					
33	1	CLM2062	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 1	3	3	6	36	3																													
34	2	CLM2063	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 2	3					3	6	36	3																									
35	3	CLM2064	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 3	3									3	6	36	3																					
36	4	CLM2065	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 4	3													3	6	36	3																	
37	5	CLM2066	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 5	3																	3	6	36	3													
38	6	CLM2067	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 6	3																					3	6	36	3									
39	7	CLM2068	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 7	3																									3	6	36	3					
40	8	CLM2069	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 8	3																													3	6	36	3	
41	1	CLM2070	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 1	3	3	12	30	3																													
42	2	CLM2071	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 2	3					3	12	30	3																									
43	3	CLM2072	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 3	3									3	12	30	3																					
43			*Các học phần tự chọn*	***3 /7***																																	
43		VMU2020	Thanh nhạc	2																																	
43		MUS2058	Múa	2																																	
44	4	CLM2087	Võ thuật điện ảnh	2													2																				
45	4	CLM2094	Chuyên đề (DVK)	1													1																				
45		M5	**KHỐI KIẾN THỨC THỰC TẾ VÀ TỐT NGHIỆP**	**18**																																	
45			***Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp***	***8***																																	
46	5	CLM2075	Thực tập nghề nghiệp	3																	3																
47	7	CLM2076	Thực tập tiền tốt nghiệp	5																									5								
47			*Khối kiến thức tốt nghiệp*	***10 /10***																																	
48	8	CLM2077_	Chương trình biểu diễn tốt nghiệp	10																													10				
			Tổng số tín chỉ:	***132***	**18**				**22**				**17**				**18**				**17**				**14**				**13**				**13**				
			Tổng số tiết lý thuyết:	***545***		**75**				**91**				**79**				**101**				**101**				**76**				**16**				**6**			
			Tổng số tiết thực hành:	***827***			**175**				**175**				**156**				**80**				**67**				**84**				**54**				**36**		
			Tổng số tiết tự học:	***132***				**20**				**19**				**20**				**14**				**12**				**20**				**5**				**3**	

Tổng số tín chỉ của khóa học đã bảo gồm 5 tín chỉ học phần Giáo dục thể chất

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu	Khoa Giáo dục đại cương	Khoa Văn hóa Nghệ thuật	Phòng Đào tạo	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Minh Hạnh	Lương Thanh Hải	Nguyễn Đức Hoàng	Nguyễn Văn Định	PGS.TS. Đào Đăng Phượng